

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 SINH 8 – Hà Nội

a) Khung ma trận

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra học kì 2 khi kết thúc nội dung: Nội tiết
- Thời gian làm bài: 60 phút
- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận)
- Cấu trúc:
 - Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao
 - Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm (gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm
 - Phần tự luận: 6,0 điểm (Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)
 - Nội dung nửa đầu học kì 2: 25% (2,5 điểm: gồm 2 chủ đề: CD 1 và CD 2: **6 tiết**)
 - Nội dung nửa sau học kì 2: 75% (7,5 điểm: gồm 2 CD: CD 3 và CD 4: **15 tiết**)

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu TN/ Tổng số ý TL		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tự luận	Trắc nghiệm	
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1. BÀI TIẾT (3 tiết)		2		2		1				5	1,25
2. DA (3 tiết)		1	1						1	1	1,25
3. THÂN KINH VÀ GIÁC QUAN (12 tiết)	1	5	1	1	1	1	1	1	4	8	6
4. NỘI TIẾT (3 tiết)	1			1				1	1	2	1,5
Số câu TN/ Số ý TL (Số YCCĐ)	2	8	2	4	1	2		0	6	16	
Điểm số	2,0	2,0	2,0	1,0	1,5	0,5	0,5	0,5	6,0	4,0	10,0
Tổng số điểm	4,0 điểm		3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm		10 điểm		10 điểm

BẢN ĐẶC TẢ SINH 8

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL	TN
1. CHỦ ĐỀ 1 : BÀI TIẾT				5		
Bài tiết và cấu tạo hệ bài tiết nước tiểu	Nhận biết	- Nêu được khái niệm bài tiết		1		C1
		- Vai trò của nó đối với cơ thể sống,		1		C2
	Thông hiểu	- Xác định được vị trí của của các cơ quan trong hệ bài tiết trên mô hình		1		C3
				1		C4
Bài tiết nước tiểu và vệ sinh hệ bài tiết nước tiểu	Vận dụng cao	hình thành thói quen sống khoa học để bảo vệ hệ bài tiết nước tiểu		1		C5
2. CHỦ ĐỀ 2 : DA (3 tiết)						
Da	Nhận biết	- Mô tả được cấu tạo da và các chức năng có liên quan.		1		C6
		- Nêu được các biện pháp giữ gìn vệ sinh da				
	Thông hiểu	giải thích cơ sở khoa học dựa trên kiến thức đã được học.	1		C1	
3. CHỦ ĐỀ 3: THẦN KINH VÀ GIÁC QUAN (12 tiết)						
Giới thiệu chung về hệ thần kinh.	Nhận biết	Nêu rõ các bộ phận của hệ thần kinh.		1		C7
	Vận dụng	Trình bày khái quát chức năng của hệ thần kinh				
Dây thần	Nhận					

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL	TN
kinh tủy	biết					
	Vận dụng	- Trình bày được chức năng của dây thần kinh tủy Giải thích được vì sao dây thần kinh tủy là dây pha .				
Trụ não, tiểu não, não trung gian	Nhận biết	+ Xác định được vị trí và mô tả được chức năng chủ yếu của trụ não. + Xác định được vị trí và chức năng của tiểu não. + Xác định được vị trí, chức năng chủ yếu của não trung gian . + Xác định được vị trí và trình bày được hình dạng, cấu tạo ngoài của đại não..		1 1 1		C8 C9 C10
	Vận dụng	- Nêu rõ được các chức năng của đại não người, chứng tỏ sự tiến hóa của người so với các động vật khác trong lớp Thú				
	Vận dụng cao	Dựa chức năng của tiểu não, trụ não...Giải thích các hiện tượng con người trong cuộc sống		1		C11
Đại não	Nhận biết	+ Xác định được vị trí và trình bày được hình dạng, cấu tạo ngoài của đại não..				
Hệ thần kinh sinh dưỡng	Nhận biết	Phân biệt được các phản xạ sinh dưỡng với phản xạ vận động. Phân biệt được bộ phận giao cảm với bộ phận đối giao cảm trong hệ thần kinh sinh dưỡng về cấu tạo và chức năng				
Cơ quan phân tích thị giác	Nhận biết	- Trình bày nguyên nhân của tật cận thị , viễn thị và cách thức khắc phục	1		C2	
		Xác định rõ các thành phần của 1 cơ quan phân tích , nêu được ý nghĩa của cơ quan phân tích đối với cơ thể.				
Vệ sinh mắt	Thông hiểu	- Trình bày được nguyên nhân gây bệnh đau mắt hột		1		C12
		- Cách lây truyền và biện pháp phòng chống.				
	Vận dụng	Hiểu rõ nguyên nhân của tật cận thị , viễn thị và cách thức khắc phục. Trình bày được nguyên nhân gây bệnh đau mắt hột , cách lây truyền và biện pháp phòng chống.				
Cơ quan	Nhận	- Xác định rõ các thành phần của cơ quan phân tích thính giác.		1		C13

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL	TN
phân tích thính giác	biết					
	Thông hiểu	- Phòng tránh các tật về tai	1		C3	
PXXĐK và PXCĐK	Thông hiểu	- Phân biệt được phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện.	1		C4	
	Vận dụng	Nêu rõ các điều kiện cần khi thành lập một phản xạ có điều kiện.				
		Nêu rõ ý nghĩa của các phản xạ này đối với đời sống của sinh vật nói chung và con người nói riêng		1		C14
Vệ sinh hệ thần kinh	Thông hiểu	Phân tích được ý nghĩa của giấc ngủ, lao động nghỉ ngơi hợp lý đối với sức khỏe.				
	Vận dụng	- Nêu rõ tác hại của ma túy và các chất gây nghiện đối với sức khỏe nói chung và hệ thần kinh nói riêng				.
	Vận dụng cao	Xây dựng cho bản thân một kế hoạch học tập nghỉ ngơi hợp lý để đảm bảo sức khỏe.	1		C6	
4. CHỦ ĐỀ: NỘI TIẾT (3 tiết)						
Giới thiệu chung hệ nội tiết,	Nhận biết	- Kể tên các tuyến nội tiết chính của cơ thể và xác định rõ vị trí của chúng.				
		Nêu rõ được tính chất và vai trò của hoóc môn (sản phẩm tiết của tuyến nội tiết),				
	Thông hiểu	- Phân biệt được tuyến nội tiết với tuyến ngoại tiết.	1		C5	
	Vận dụng	từ đó nêu rõ tầm quan trọng của tuyến nội tiết đối với đời sống.				
Tuyến yên, Tuyến	Nhận biết	- Nêu rõ được vị trí và chức năng của tuyến Yên, tuyến Giáp, tuyến Trên thận, Tuyến sinh dục				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL	TN
Giáp, Tuyển Trên thận, Tuyển sinh dục		- Nêu rõ được vị trí và chức năng của tuyến Trên thận, Tuyến sinh dục				
	Thông hiểu	Biết được sự chi phối hoạt động của hooc môn tuyến Yên tới tuyến Giáp, tuyến Trên thận, Tuyến sinh dục. - - Phân biệt chức năng nội tiết và ngoại tiết của tuyến tụy				
	Vận dụng	Sơ đồ hoá chức năng của tuyến tụy trong sự điều hoà lượng đường trong máu .		1		C15
Sự điều hoà và phối hợp hoạt động của các tuyến nội tiết	Vận dụng cao	Nêu được các ví dụ để chứng minh cơ thể tự điều hoà trong hoạt động nội tiết.		1		C16
		Hiểu rõ được sự phối hợp trong hoạt động nội tiết để giữ vững tính ổn định của môi trường trong.				